

ĐẶC ĐIỂM THỂ HIỆN TÌNH THÁI ĐẠO NGHĨA TRONG DIỄN NGÔN TƯỜNG THUẬT CỦA GIỚI TRẺ VIỆT TRÊN MẠNG XÃ HỘI

TÔ KHÁNH DUY¹

HUỲNH THI HỒNG HANH²

Abstract: Modality, a well-known category of linguistics, is often divided into two types: deontic modality and epistemic modality. Deontic modality pertains to the realm of obligation, permission, request, desire, commitment and obligation to perform, among other concepts, expressed at different levels within clauses. In the narrative discourse of young people on social networks, deontic modality is used in a variety of ways, especially in terms of its expression. Researching deontic modality of Vietnamese's youth can show the usage habits and the effectiveness of their communication on social networks.

Keywords: *modality, deontic modality, narrative discourse, youth generation, social networks*

1. Đặt vấn đề

Trong công trình *Phân tích diễn ngôn*, Grown & Yule đã nói về chức năng giao tiếp của ngôn ngữ, trong đó có đề cập đến khía cạnh thể hiện tình cảm, trạng thái, thái độ của người nói chứ không riêng chức năng giao tiếp thông tin. Tác giả còn cho rằng nếu chỉ nói ngôn ngữ có chức năng giao tiếp thì đây là việc làm giới hạn trong việc nghiên cứu chức năng của ngôn ngữ [1 tr.16]. Bên cạnh đó, Bennett (1976) cũng nhận xét: *Giao tiếp dường như trước hết là vấn đề người nói hoặc là để thông báo cho người nghe một việc gì đó hoặc là để cho anh ta thực hiện một hành động nào đó* (dẫn theo [1 tr.16]). Như vậy, phạm trù tình thái là một vấn đề khá phức tạp, được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm từ sớm. Trong hầu hết công trình về tình thái, các nhà ngôn ngữ học tỏ ra quan tâm đặc biệt đến các tiểu loại của nó, trong đó có tiểu loại tình thái đạo nghĩa. Tiểu loại tình thái ấy liên quan đến cái gọi là “sự áp đặt” của người nói đến một hành động nào đó, dựa trên những cơ sở đạo nghĩa đó. Quá trình ấy tưởng chừng đơn giản nhưng lại tỏ ra khá phức tạp vì đến nay vẫn có rất ít công trình miêu tả rõ ràng về vấn đề này.

2. Cơ sở lý luận

2.1. Tình thái đạo nghĩa

Tình thái (modality) nói chung là một phạm trù đã được các nhà ngôn ngữ học chú ý từ rất sớm trong những công trình liên quan đến ngữ nghĩa hay ngữ dụng học. Những công trình ấy đều chú ý xem tình thái là lớp nghĩa không thể thiếu trong việc giải thuyết nghĩa của câu/ phát ngôn.

¹ Học viên cao học, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, ĐHQG TP. Hồ Chí Minh

² TS, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, ĐHQG TP. Hồ Chí Minh

Về tình thái đạo nghĩa (deontic modality), trước hết, “đạo nghĩa” là một thuật ngữ xuất xứ từ một từ Hy Lạp có liên quan đến sự áp đặt nghĩa vụ bắt buộc [2, tr. 265].

Trong nhiều công trình nghiên cứu về tình thái nói chung, tính thái đạo nghĩa nói chung, các nhà nghiên cứu đều cho rằng nghĩa tình thái đạo nghĩa là một trong hai loại nghĩa tình thái cơ bản nhất bên cạnh tình thái nhận thức (epistemic modality). Khái niệm nghĩa tình thái đạo nghĩa được đề cập như sau:

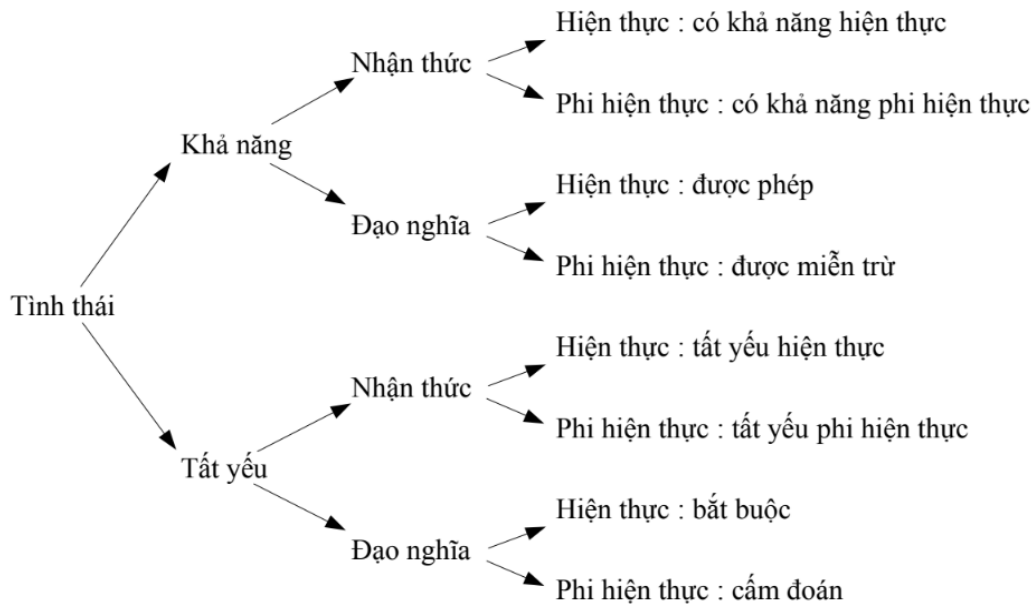
Hai nhà ngôn ngữ học nổi tiếng Lyons (1986) và Palmer (1977) quan niệm tình thái đạo nghĩa trong việc phân biệt nó với tình thái nhận thức. Họ cho rằng tình thái nhận thức chỉ ra vị thế (status) hiểu biết của người nói, bao gồm cả sự xác nhận cũng như những đảm bảo cá nhân của người nói đối với điều anh ta nói ra. Còn tình thái đạo nghĩa liên quan đến tính hợp thức về đạo đức hay các chuẩn mực xã hội khác đối với hành động do một người nào đó hay chính người nói thực hiện [3, tr.102]. Từ định nghĩa của Palmer và Lyons có thể thấy tình thái đạo nghĩa liên quan đến tính hợp thức về đạo đức hay các chuẩn mực xã hội khác đối với hành động do một người nào đó hay chính người nói thực hiện.

Ở Việt Nam, các nhà ngôn ngữ học cũng đặt mối quan tâm của mình vào phạm trù tình thái. Trong đó, Nguyễn Văn Hiệp [3], đã chỉ ra tình thái đạo nghĩa có tính chủ quan và tính phi thực hữu: tính chủ quan thể hiện ở thái độ, ý chí và mong muốn của người nói đối với hành động. Người nói cho rằng hành động là bắt buộc, là bị cấm đoán, là được phép hay miễn trừ. Người nói thể hiện ý chí (chủ quan) ở chỗ họ mong ước người nghe thực hiện hành động (hay tự mình cam kết hành động), thể hiện ở nhóm hành động “khuyến lệnh” (sử dụng theo Searle). Tính phi thực hữu thể hiện ở những hành động tương lai mà người nói muốn người nghe thực hiện (hay tự mình thực hiện). Tất cả những phát ngôn thuộc nhóm khuyến lệnh đều có thể phân tích là những phát ngôn “áp đặt” ai đó (hoặc chính người nói) có nghĩa vụ làm cho hành động trong phát ngôn đó trở thành hiện thực (hoặc ngăn cản nó trở thành hiện thực) trong một thời điểm nào đó ở tương lai [3, tr.110-111].

Trong diễn ngôn tường thuật, tình thái đạo nghĩa có mối quan hệ với ngữ cảnh trong việc thể hiện nội dung diễn ngôn của người nói. Những nội dung này được người nói sử dụng để thể hiện ý chí, sự áp đặt của người nói đối với người nghe (hay chính mình). Việc sử dụng tình thái đạo nghĩa như thế nào cho thấy được những xu hướng, đặc điểm giao tiếp của con người trong những môi trường giao tiếp nhất định, ở đây là môi trường mạng xã hội.

2.2. Các sắc thái nghĩa

Theo Nguyễn Văn Hiệp, sự phân biệt tình thái đạo nghĩa và tình thái nhận thức trong phạm vi tình thái chủ quan được thể hiện qua ba tham số: tính tất yếu, khả năng và hiện thực. Theo một góc độ khái quát nào đó, nếu tạm không tính đến độ mạnh yếu của chứng cứ và những cơ sở đạo nghĩa cụ thể theo quan điểm của người nói, thì sự phân biệt tình thái nhận thức và tình thái đạo nghĩa trong phạm vi tình thái chủ quan về thực chất cũng xoay quanh 3 tham số về tính *tất yếu*, *khả năng* và *hiện thực*. Trong đó, tham số hiện thực được lưỡng phân thành hiện thực và phi hiện thực khi thể hiện cùng tham tố khả năng và bắt buộc.



Sơ đồ 1. Sự phân biệt tình thái đạo nghĩa và tình thái nhận thức theo 3 tham số: tất yếu, khả năng, hiện thực [3, tr.111-112]

Ngoài việc phân chia theo ba tham tố, các sắc thái nghĩa còn được phân chia theo hai phương diện: ý chí ngoài (người nói áp đặt hành động đối với người khác), ý chí chủ thể (người nói tự áp đặt hành động cho chính mình). Các sắc thái nghĩa cụ thể như sau:

a) Sắc thái bắt buộc - hiện thực (bắt buộc): Sắc thái này được coi là thể hiện ý chí mạnh hay sự bắt buộc và tự ép buộc, biểu thị rằng hành động nêu trong câu phải được thực hiện vì tác thể được nói tới trong câu phải có trách nhiệm thực hiện hành động đó. Ở đây cũng có thể phân biệt các câu biểu thị ý chí ngoài và các câu biểu thị ý chí chủ thể.

- Nhóm biểu thị ý chí ngoài: được người nói sử dụng để đề nghị, yêu cầu, giục, ra lệnh.
- Nhóm biểu thị ý chí chủ thể: được người nói sử dụng để tự nhủ, nguyện hay thề.

b) Sắc thái bắt buộc - phi hiện thực (cấm đoán): Đây là sắc thái có ý chí mạnh, biểu thị rằng hành động nêu trong câu buộc không được thực hiện hay không được dưởng da hãy tiếp tục diễn ra vì tất thể được nói tới trong câu và có trách nhiệm không thực hiện hành động đó hay không để điều đó diễn ra. Sau đây là đôi nét về nhóm câu thể hiện ý chí ngoài và nhóm câu thể hiện ý chí chủ thể của sắc thái nghĩa bắt buộc phi hiện thực.

- Nhóm câu biểu thị ý chí ngoài: được người nói dùng để ngăn, cấm.
- Nhóm câu biểu thị ý chí chủ thể: người nói dùng để tự ngăn, tự cấm đoán mình.

c) Sắc thái khả năng - hiện thực (cho phép): Đây là sắc thái biểu thị rằng hành động nêu trong câu có thể trở thành hiện thực bởi nó phù hợp về mặt đạo nghĩa. Dưới đây là một số điểm cơ bản về nhóm câu biểu thị ý chí ngoài và nhóm câu biểu thị ý chí chủ thể.

- Nhóm biểu thị ý chí ngoài: đây là nhóm được người nói sử dụng với mục đích rủ, mời, nhờ, nài, van lạy, khuyên, dỗ, dặn, cho phép.

- Nhóm biểu thị ý chí chủ thể: nhóm này chứa hành động xin phép, ngỏ ý, hứa hay đòi của người nói.

d) Sắc thái khả năng - phi hiện thực (miễn trừ): Đây là sắc thái biểu thị rằng hành động nệ trong câu có thể không trở thành hiện thực bởi về mặt đạo lý, tác thể được nói tới trong câu (có thể là chính chủ thể lời nói) không phải có trách nhiệm thực hiện hành động đó. Phân biệt các câu theo ý chí ngoài và ý chí chủ thể như sau:

- Nhóm biểu thị ý chí ngoài: thường là những câu được người nói sử dụng với mục đích miễn trừ, tức câu có sự xuất hiện của ý chí ngoài nào đó điều khiển sự phủ định một hành động mà lẽ ra người nói phải thực hiện.

- Nhóm biểu thị ý chí chủ thể: thường là những câu mà người nói sử dụng với mục đích tự miễn trừ, tức người nói phủ định việc thực hiện một hành động mà lẽ ra mình phải làm [4].

Các sắc thái nghĩa của tình thái đạo nghĩa được nêu trên đây có mức độ áp đặt và nghĩa vụ khác nhau mà người nói thể hiện. Thông qua việc phân tích các sắc thái, chúng ta sẽ thấy được xu hướng thể hiện sự áp đặt những hành động của người nói thông qua các phát ngôn, đặc biệt là trong những môi trường đặc thù như mạng xã hội. Ở trong mỗi sắc thái có sự phân chia hành hai nhóm ý chí ngoài và ý chí chủ thể, các nhóm này giúp chúng ta hiểu hơn về thói quen áp đặt hành động của người nói. Trong mỗi nhóm lại có những hành động áp đặt ở các mức độ khác nhau, từ cho phép đến cấm đoán, từ khuyên nhủ đến yêu cầu, ra lệnh. Như vậy, việc phân tích các sắc thái nghĩa trở nên cần thiết và phù hợp trong việc nghiên cứu về tình thái nói chung, tình thái đạo nghĩa nói riêng. Hơn nữa, các sắc thái nghĩa ít nhiều giúp cho chúng ta nhận thấy được đặc trưng cấu trúc của diễn ngôn, trong đó có diễn ngôn tường thuật của giới trẻ.

3. Đặc điểm sử dụng tình thái đạo nghĩa trong diễn ngôn tường thuật của giới trẻ Việt trên mạng xã hội.

Nguyễn Kim Thản (1997) cho rằng, tường thuật là hình thức thể hiện thông thường nhất của phán đoán và được dùng rộng rãi nhất. Câu tường thuật nhằm mục đích kể về hoạt động, trạng thái, tính chất hay chủng loại của đối tượng. Bên cạnh đó, tác giả còn cho rằng: “Nhờ có hệ thống trợ từ rất phong phú, câu tường thuật trong tiếng Việt có nhiều phương tiện biểu thị sắc thái tình cảm hay thái độ v v...”. [5, tr.595]

Chúng tôi đã tiến hành khảo sát trên trang “Cột sống genZ”, thời gian từ 2/2021 đến 12/2021. Do giới hạn đề tài, chúng tôi chỉ khảo sát 40 diễn ngôn tường thuật. Kết quả cho thấy có 387 câu nói chứa tình thái đạo nghĩa được sử dụng trong số diễn ngôn được khảo sát.

Qua nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy, diễn ngôn tường thuật của giới trẻ Việt trên mạng xã hội thường được dùng để kể lại một câu chuyện hay một vấn đề nào đó mà người nói đã trải qua với mục đích chia sẻ thông tin, đưa ra lời khuyên, hướng dẫn, ... vì thế mà chủ đề của diễn ngôn này rất đa dạng tuy nhiên được thể hiện thông qua phương thức nói là chủ yếu.

Dưới đây là kết quả được chúng tôi tổng hợp lại:

** Sự thể hiện sắc thái khả năng - hiện thực*

Ở sắc thái này, tình thái đạo nghĩa chủ yếu thể hiện sự áp đặt ở mức độ trung tính (chủ yếu ở những lời khuyên nhủ), như các ví dụ dưới đây:

(1) *Lớp mình đã có kẻ trộm rồi đó mấy bạn đi học thì **nên** để tiền cẩn thận, có lần 1 thì sẽ có lần 2, chúng ta sẽ cùng nhau bắt kẻ trộm đó". (Những lần sốc văn hóa ở cấp 3: bị cả lớp đổ oan là kẻ ăn cắp, 25/11/2021).*

(2) *Mình có thể vì người ta một, hai lần nhưng nếu sau một, hai lần đó người ta không vì mình nữa thì mọi người **nên** suy nghĩ đi, có đáng không? (Cách trị bệnh lụy, 22/10/2021)*

Người nói dùng những kinh nghiệm của bản thân để đưa ra lời khuyên đối với người nghe, đây cũng là cách người nói thường sử dụng trong các hành động khuyên nhủ khác. Dưới đây là kết quả khảo sát sắc thái nghĩa khả năng - hiện thực:

Bảng 1. Kết quả khảo sát về sắc thái khả năng - hiện thực

Nhóm ý chí	Hành động nói	Số lượng		Tỉ lệ (%)	
Ý chí ngoài	Rủ	2	59	2,2	66,2
	Mời	2		2,2	
	Nhờ	2		2,2	
	Nài	11		12,4	
	Khuyên	24		27	
	Dặn	5		5,6	
	Dỗ	2		2,2	
	Cho phép	8		9	
	Yêu cầu ở mức độ thấp	3		3,4	
Ý chí chủ thể	Xin phép	4	30	4,5	33,8
	Ngỏ ý	10		11,2	
	Hứa	3		3,4	
	Đòi	13		14,7	

Nhận xét:

Trong sắc thái khả năng - hiện thực, người nói chủ yếu sử dụng để thể hiện sự sẵn lòng của mình về việc cho phép một hành động nào đó có thể xảy ra. Trong đó, hành động thuộc ý chí ngoài, tức người nói áp đặt ý chí đối với người khác được sử dụng nhiều hơn với 66,2%. Điều này cho thấy, những người trẻ có xu hướng áp đặt hành động cho người khác và số lượng các hành động nói cũng đa dạng hơn. Trong nhóm này, hành động khuyên được sử dụng nhiều nhất với 27%, điều này cho thấy mục đích, thái độ sống của người trẻ đối với mọi người xung quanh được quan tâm nhiều hơn. Trong ngữ liệu khảo sát, hành động khuyên thường được sử dụng trong những trường hợp chia sẻ kinh nghiệm về học tập, gia đình, tình yêu và công việc, đó cũng là những chủ đề được giới trẻ quan tâm.

Còn những hành động được người nói sử dụng để tự áp đặt cho mình được thể hiện ít hơn, điều này được giải thích vì đặc điểm của diễn ngôn tường thuật, người nói tập trung tường thuật một câu chuyện thay vì bộc lộ thái độ của mình. Trong nhóm này, các hành động thể hiện mong muốn của người nói được sử dụng nhiều nhất (hành động đòi), có thể thấy, những người trẻ đã tự tin hơn trong việc thể hiện trực tiếp mong muốn của mình.

*** Sự thể hiện của sắc thái khả năng - phi hiện thực**

Ở sắc thái này, tình thái đạo nghĩa thường thể hiện sự miễn trừ về trách nhiệm thực hiện một hành động, như một số ví dụ sau đây:

(3) *Thôi đi ngủ đi ngủ đi, thi để sau. (Ba mẹ tâm lí, 1/12/2021)*

(4) *Mình có nói nhẹ với bạn đó là “thôi, sau này bà đừng có làm vậy nữa”. (Có đứa bạn hay ăn cắp đồ là cảm giác như thế nào?, 30/11/2021)*

(5) *Mình kêu là mình không cố ý, mình chỉ kéo bạn đó lại thôi. (Điều cảm thấy xấu hổ nhất đã từng làm, 7/8/2021)*

Có thể thấy, người nói dựa vào cơ sở đạo lí mà miễn trừ hành động cho người nghe, trách nhiệm của cha, mẹ (3) và trách nhiệm của những người trong cùng tổ chức, lớp học (4) hay tự miễn trừ cho chính mình, trách nhiệm giải thích cho một việc mình không làm (5). Đây cũng là hai nhóm ý chí được người nói sử dụng phổ biến trong các diễn ngôn được khảo sát. Dưới đây là kết quả khảo sát sắc thái khả năng - phi hiện thực:

Bảng 2: Kết quả khảo sát sắc thái khả năng - phi hiện thực

Nhóm ý chí	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Ý chí ngoài (miễn trừ)	21	44,7
Ý chí chủ thể (tự miễn trừ)	26	55,3

Nhận xét:

Có thể thấy, trong nhóm sắc thái này sự thể hiện của hai nhóm ý chí tương đối như nhau. Tuy nhiên, nhóm áp đặt ý chí chủ thể tức người nói sử dụng để miễn trừ cho mình được sử dụng nhiều hơn với 55,3%. Điều này được giải thích ở mục đích sử dụng của các hành động này là giải thích. Trong ngữ liệu khảo sát, đa phần những hành động thể hiện ý chí chủ thể được người nói sử dụng để phủ định hay miễn trừ đi sự liên quan của mình đối với hành động đã nêu trước đó (thường là sự việc bất lợi cho người nói). Hành động này nhằm giải thích cho hành động sau đó của bản thân người nói.

*** Sự thể hiện của sắc thái nghĩa tất yếu - hiện thực**

Ở sắc thái này, tình thái đạo nghĩa thường thể hiện sự áp đặt hành động với người khác với ý chí mạnh, bởi vì các hành động này phải được thực hiện dựa trên cơ sở đạo nghĩa, như một số ví dụ dưới đây:

(6) *Cho nên là các bạn khi đi tìm trọ cần **phải** lưu ý “check” kỹ với chủ nhà các hệ thống điện nước đường dẫn rồi máy lạnh có bị hư hại gì không. (Kinh nghiệm xương máu khi thuê nhà trọ, 29/10/2021)*

(7) *Tự nhiên nó chứa lại cái ngăn cuối cùng, mình bắt buộc nó phải mở cái ngăn đó ra **cho** mình coi luôn. (Có đũa bạn hay ăn cắp đồ là cảm giác như thế nào?, 30/11/2021)*

Trách nhiệm của người thuê trọ được người nói lưu ý trong câu ví dụ (6) và trách nhiệm phải làm rõ một vụ mất cắp ở ví dụ (7) đã khiến người nói sử dụng các lời đề nghị bởi vì đây là những hành động phải được thực hiện trên cơ sở đạo lý hay pháp luật.

Kết quả khảo sát sắc thái này được tổng hợp như sau:

Bảng 3: Kết quả khảo sát sắc thái tất yếu - hiện thực

Nhóm ý chí	Hành động nói	Số lượng		Tỉ lệ (%)	
Ý chí ngoài	Đề nghị	81	124	65,3	67
	Yêu cầu	37		29,9	
	Giục	3		2,4	
	Ra lệnh	3		2,4	
Ý chí chủ thể	Tự nhủ	59	61	96,7	33
	Nguyện	2		3,3	

Nhận xét:

Trong sắc thái tất yếu - hiện thực, người nói thể hiện ý chí của mình để áp đặt người khác hay bản thân mình buộc phải thực hiện một hành động. Đây là sắc thái được sử dụng nhiều nhất trong các sắc thái nghĩa tình thái đạo nghĩa. Sự thể hiện của hai nhóm ý chí cũng khác nhau. Trong đó,

hành động thuộc ý chí ngoài, tức người nói áp đặt ý chí đối với người khác được sử dụng nhiều hơn với 67%.

Trong nhóm thể hiện ý chí ngoài, hành động “đề nghị” là hành động nói được sử dụng nhiều nhất. Nguyên nhân do hành động này giúp thể hiện sự tôn trọng của người nói đối với người nghe. Người nói không muốn thể hiện sự bắt buộc tuyệt đối thực hiện hành động lên người nghe. Dù cho người nói có vị thế xã hội cao hơn người nghe hay không. Cụ thể, ở ngữ liệu khảo sát, những nhân vật thuật lại câu chuyện cũng chỉ muốn thuật lại câu chuyện và bày tỏ quan điểm của bản thân và qua đó, gợi ý cho người nghe hành động nên thực hiện qua những gì mà người kể rút ra được. Điều này cũng đã được minh chứng qua việc từ ngữ thể hiện hành động “giục” và “ra lệnh” thấp hơn rất nhiều (khoảng 27 lần) so với hành động “đề nghị”. Kết quả này cũng cho thấy giới trẻ rất quan tâm đến việc tôn trọng người khác và cũng đặc biệt lưu ý trong việc giữ mối quan hệ với người xem trên các nền tảng mạng xã hội, đặc biệt là đối với đối tượng khảo sát của đề tài.

Đối với ý chí chủ thể, hành động “tự nhủ” được sử dụng rất nhiều lần, hầu hết trong mọi phát ngôn của người kể. Lí do để từ ngữ thể hiện hành động “tự nhủ” này được sử dụng nhiều bởi khi người nói tự đặt ra cho bản thân mình một hành động bắt buộc phải làm nào đó thì hành động “tự nhủ” này giúp làm giảm sự nghiêm trọng của vấn đề. Người tiếp nhận sẽ cảm thấy nhẹ nhàng hơn và dễ dàng hoàn thành việc hơn. Điều này cũng đồng nghĩa với việc hành động “thề” không xuất hiện trong bất kì ngữ liệu nào mà chúng tôi thu thập được bởi tính bắt buộc và ràng buộc của hành động với những yếu tố quan trọng và có ý nghĩa lớn với cuộc sống của người tiếp nhận yêu cầu khó có thể được đem ra đánh đổi. Hơn nữa, việc “thề” gắn với khả năng hoàn thành một cách tuyệt đối hành động đó nhưng tâm lí của chúng ta luôn sợ sệt những điều xảy ra không đúng kế hoạch. Vì vậy, chúng ta thường tránh thực hiện hành động “hứa” này mà thay vào đó sẽ dùng hành động “nguyện” để giảm bớt sắc thái nghĩa bắt buộc.

** Sự thể hiện của sắc thái tất yếu - phi hiện thực*

Ở sắc thái này, tình thái đạo nghĩa thể hiện sự ngăn, cấm người khác hay chính mình thực hiện một hành động nào đó, vì hành động đó không được thực hiện theo đạo lí hay pháp luật. Dưới đây là một số ví dụ:

(8) *Cuối cùng là một điều quan trọng nhất mà mọi người không bao giờ được quên đó chính là mọi người. Mọi người mới chính là người quan trọng nhất. (Cách trị bệnh lỵ, 22/10/2021)*

(9) *Mình còn một con đường dài phía trước còn phải đi tiếp và mình **không thể** vì một người không yêu mình mình mà cứ đau buồn suốt như thế này được. (Tâm sự của một gen Z lần đầu bị người yêu đá, 12/7/2021)*

Sự ngăn cấm người khác không thực hiện những hành động nguy hiểm sau khi gặp sự cố về tình cảm (8), hay tự ngăn cấm bản thân mình như trong (9), đều cho thấy người nói quan tâm nhiều đến việc ngăn cản những hành động nguy hiểm mà giới trẻ có thể tìm đến như cách giải thoát sau những sự cố về tình cảm.

Dưới đây là kết quả khảo sát sắc thái tất yếu - phi hiện thực:

Bảng 4: Kết quả khảo sát sắc thái tất yếu - phi hiện thực

Nhóm ý chí		Số lượng		Tỉ lệ (%)	
Ý chí ngoài	Ngăn	43	49	65,1	74,2
	Cấm	6		9,1	
Ý chí chủ thể		17		25,8	

Nhận xét:

Trong sắc thái tất yếu - phi hiện thực có sự thể hiện đầy đủ của hai nhóm ý chí. Trong đó, nhóm ý chí ngoài được sử dụng nhiều hơn với 74,2%, điều đó cho thấy thói quen sử dụng hành động ngăn cấm người khác được thể hiện nhiều. Mặt khác, trong nhóm ý chí ngoài thì hành động ngăn lại được sử dụng áp đảo hành động cấm, điều này được giải thích vì mức độ áp đặt hành động của hai hành động này. Theo đó, hành động ngăn có ý chí áp đặt thấp hơn hành động cấm cho nên nó được người nói sử dụng nhiều để ngăn cản người khác mà vẫn giữ được mối quan hệ với người khác.

Những hành động thể hiện ý chí chủ thể chiếm số lượng thấp chủ yếu được người nói sử dụng để ngăn bản thân mình làm một việc không phù hợp, trái với đạo nghĩa hay là hành động có hại.

*** Kết quả khảo sát các sắc thái nghĩa của tình thái đạo nghĩa trong diễn ngôn tường thuật của giới trẻ Việt trên mạng xã hội**

Bảng 5: Tổng hợp kết quả khảo sát các sắc thái nghĩa tình thái đạo nghĩa trên trang Cột sống gen Z

Sắc thái	Số lượng phát ngôn có chứa tình thái đạo nghĩa	Tỉ lệ (%)
Khả năng - hiện thực	89	23,0
Khả năng - phi hiện thực	47	12,1
Tất yếu - hiện thực	185	47,8
Tất yếu - phi hiện thực	66	17,1
Tổng	387	100

Nhận xét:

Theo kết quả khảo sát, sắc thái tất yếu - hiện thực là sắc thái được sử dụng nhiều nhất với 185 câu nói chiếm hơn 47% còn sắc thái khả năng - hiện thực được sử dụng ít nhất với 47 câu nói chiếm 12,2%. Điều đó cho thấy, giới trẻ thích thể hiện các yếu tố mang nghĩa bắt buộc hơn là miễn trừ. Hơn nữa, đối với diễn ngôn tường thuật, những yếu tố mang tính áp đặt (tất yếu) mang lại hiệu quả hơn trong việc tường thuật một câu chuyện. Trong sắc thái nghĩa tất yếu - hiện thực, hành động đề nghị được sử dụng nhiều hơn cả, đây là hành động có ý chí áp đặt ở mức thấp nhất trong nhóm bắt buộc. Hành động này vừa mang yếu tố ngỏ ý hay khuyên bảo vừa mang yếu tố bắt buộc nên được người nói sử dụng trong nhiều trường hợp sử dụng, thường là dùng để thể hiện lời khuyên. Có thể thấy, người nói quan tâm rất nhiều đến cảm nhận của người nghe, đồng thời cũng rất chú ý đến những hành động nói của mình vì thế thường lựa chọn những hành động trung tính,

hay áp đặt ý chí thấp. Đó cũng là cách người nói tạo thiện cảm với người nghe cũng là cách tạo tính tương tác cho sản phẩm của mình, vốn là mục đích chính khi người nói sử dụng mạng xã hội.

4. Kết luận

Từ kết quả và những phân tích ở trên, mạng xã hội vừa là công cụ vừa là môi trường để người trẻ thể hiện quan điểm, thái độ của mình đối với một vấn đề nào đó mà họ quan tâm. Trong đó, tình thái đạo nghĩa được thể hiện một cách đa dạng, tác động không ít đến mục đích giao tiếp của người nói. Chúng tôi cũng nhận thấy giới trẻ có xu hướng sử dụng mức độ áp đặt hành động ở mức trung bình là phổ biến, mức độ cao rất ít dùng. Các loại phương tiện thể hiện tình thái đạo nghĩa thì có kết cấu đơn giản và họ cũng hạn chế sử dụng các phương tiện có cấu tạo phức tạp. Điều này cho thấy rằng giới trẻ rất quan tâm đến việc truyền đạt nội dung truyền đạt của mình trên mạng xã hội.

Việc nghiên cứu sự thể hiện của tình thái đạo nghĩa trong diễn ngôn tường thuật nói chung, diễn ngôn tường thuật của giới trẻ Việt trên mạng xã hội nói riêng, đã cho thấy tình thái đạo nghĩa ít hay nhiều có vai trò trong việc xây dựng cấu trúc diễn ngôn của nhóm người này. Chúng tôi nhận thấy, trường (field) của các diễn ngôn được khảo sát khác nhau nhưng các hành động nói thể hiện trong các diễn ngôn rất đa dạng, đa số là những hành động áp đặt ở mức trung tính và thấp. Về cách thức (mode) các diễn ngôn này hầu hết đều là diễn ngôn nói kèm theo hình thức tường thuật. Về đặc điểm không khí chung (tennor), mặc dù có tính chất chung là các diễn ngôn tường thuật nhưng rõ ràng mục đích giao tiếp của các diễn ngôn này cũng khác nhau, chủ yếu là có tính chất hướng dẫn, khuyên bảo, chia sẻ,....

Mạng xã hội là môi trường vừa mở nhưng cũng vừa khép kín, mọi người đều có thể tìm kiếm và xem lại các sản phẩm đó nhưng những diễn ngôn đó được tạo ra để giao tiếp, tương tác với những người cùng thế hệ thay vì tất cả. Chính ở bối cảnh đó, người tạo lập diễn ngôn, ở đây là giới trẻ cho thấy sự quan tâm của mình trong việc thể hiện quan điểm, thái độ cũng như vấn đề lựa chọn ngôn ngữ.

NGUỒN NGŨ LIỆU TRỰC TUYẾN

Trang “Cột sống gen Z”. Đường dẫn: <https://www.facebook.com/CotSongGenZ.Page>

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Gillian Brown, George Yule, *Phân tích diễn ngôn* (Trần Thuận dịch), NXB ĐHQG Hà Nội, 2002.
2. John Lyons, *Ngữ nghĩa học dẫn luận* (Nguyễn Văn Hiệp dịch), NXB Giáo dục, 2006.
3. Nguyễn Văn Hiệp, *Cơ sở ngữ nghĩa phân tích cú pháp*, NXB Giáo dục, 2007.
4. Nguyễn Thị Nhung, *Nghĩa tình thái đạo lý của câu trong các văn bản văn học giảng dạy ở trường Trung học phổ thông*, TC Ngôn ngữ và Đời sống, Số 5, tr.12-20, 2016.
5. Nguyễn Kim Thản, *Nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Giáo dục, 1997.